TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/DSPT

Ngày 27 - 03 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm
Các thẩm phán: Ông Văn Công Dần
Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLPT- DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc "Kiện đòi tài sản",

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2022/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐ-PT ngày 13/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Tường V (tên thường gọi: BT); địa chỉ: Thôn TL, xã PD, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị L, có mặt; Anh Võ Văn H, vắng mặt; Cùng địa chỉ: Thôn TL, xã PD, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk;

3. Người kháng cáo: Chị Võ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Nguyên đơn chị Đoàn Thị Tường V trình bày:***

Do có quan hệ quen biết, sống cùng thôn nên tôi có đưa tiền cho chị L mượn, số tiền mượn được quy thành tiêu, tôi đã cho chị L mượn số tiền tương ứng số lượng 02 tạ tiêu (tương ứng 200kg tiêu hạt), khi trả sẽ quy 02 tạ tiêu thành tiền theo giá thị trường. Hai bên lập giấy nợ ngày 16/12/2016 (âm lịch), xác nhận chị L nợ tôi 02 tạ tiêu, chị L hẹn đến nửa tháng 2 năm 2017 (âm lịch) sẽ trả đủ cho tôi. Chị L đã viết giấy nợ cùng ngày, ghi tên chị L và anh H (chồng chị L) trong giấy này, khi đến hạn tôi đã yêu cầu chị L trả nợ nhưng chị L chỉ hứa hẹn, không

chịu trả. Sau đó tôi có làm Đơn báo cáo đề ngày 29/9/2021, đưa sự việc ra ban thôn TL để nhờ giải quyết. Ban thôn đã hòa giải vào ngày 04/10/2021, tổ hòa giải gồm bà phạm Thị L1 là bí thư chi bộ thôn, ông Trần Công H1 là thôn phó, ông Nguyễn Văn P hiện nay là thôn trưởng, bà Nguyễn Thị H2 là chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn, ông Võ C hiện nay là trưởng ban công tác mặt trận thôn TL, xã PD.

Tại buổi hòa giải, tôi trình bày việc vay nợ diễn ra năm 2018 là do tôi chưa tìm được giấy nợ ngày 16/12/2016 (âm lịch), giấy nợ do chồng tôi anh Nguyễn Thanh Hải cất giữ, khi chồng tôi chết vào đầu năm 2021, lúc dọn dẹp đã làm thất lạc, sau đó tôi mới tìm được chứng cứ này, thể hiện số nợ 02 tạ tiêu nên việc chị L cho rằng chỉ nợ 01 tạ tiêu (tương ứng 100kg tiêu) là không đúng. Khi đó do tôi không nhớ rõ thời gian tôi cho chị L vay nợ tiền quy ra tiêu nên tôi đã làm đơn báo cáo trình bày nội dung sự việc diễn ra vào năm 2018 nhưng thực tế việc chị L nhận nợ với tôi là năm 2016.

Ban thôn đã ghi biên bản theo đơn báo cáo của tôi thể hiện là hòa giải *về việc mua bán tiêu hạt đưa tiền năm 2018.* Thực tế 02 tạ tiêu tôi nêu trong đơn báo cáo, trình bày trong tại buổi hòa giải và số lượng 02 tạ tiêu theo giấy nợ ngày 16/12/2016 (âm lịch) là cùng một khoản nợ. Ngoài ra, theo biên bản hòa giải ngày 04/10/2021 thì không có nội dung nào thể hiện tôi căn cứ vào sổ năm 2018 để yêu cầu chị L trả nợ cho tôi, tại biên bản ghi là tôi sẽ tìm lại giấy nợ 02 tạ tiêu, nếu tôi tìm được thì chị L sẽ có trách nhiệm trả đủ 02 tạ tiêu. Sau khi hòa giải chị L đã trả được cho tôi 01 tạ tiêu (quy ra tiền tại thời điểm trả, giá tiêu là 81.000 đồng/kg, thành tiền là 8.100.000 đồng), bà H2 đã nhận số tiền này từ chị L và đưa lại cho tôi. Ngoài ra nội dung chị L yêu cầu ban thôn ghi ý kiến của chị L tại phần cuối của biên bản thể hiện là tôi đồng ý trong thời hạn 30 ngày nếu tôi tìm được chứng cứ chứng minh chị L nợ tôi 02 tạ tiêu thì chị L phải trả đủ 02 tạ tiêu, sau 30 ngày dù tôi có tìm được giấy nợ thì chị L cũng không phải chịu trách nhiệm trả nợ 01 tạ tiêu còn lại, đây là ý kiến của chị L, tôi không đồng ý, không ký xác nhận.

Ngoài giấy nợ ngày 16/12/2016 (âm lịch) do chị L tự tay viết thì không có giấy nợ khác liên quan đến 02 tạ tiêu, ngoài khoản nợ này thì tôi và chị L không còn khoản nợ nào khác nên việc chị L cho rằng còn 01 giấy nợ khác về việc nợ tiêu và được ghi trên giấy vở học sinh, vở ô ly là không đúng sự thật. Ngoài biên bản hòa giải ngày 04/10/2021 thì không còn biên bản nào giải quyết liên quan đến khoản nợ giữa tôi và chị L. Đến nay chị L còn nợ tôi 01 tạ tiêu, tôi đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị L không chịu trả.

Theo đơn khởi kiện, tôi yêu cầu chị L và anh H phải trả cho tôi 01 tạ tiêu nhưng tại phiên tòa tôi xác định chỉ yêu cầu một mình chị L có nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ này anh H không biết, không liên quan nên tôi xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh H, không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ trả nợ.

Về lãi suất: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị L có văn bản trình bày ý kiến, các đơn đề nghị không tiến hành đối chất, hòa giải, thể hiện nội dung:

Vào năm 2016 chị L và chị V làm ăn với nhau, chị L có lấy của chị V số tiền tương ứng 01 tạ tiêu, với giá 110.000 đồng/kg (chốt với số tiền là 11.000.000

đồng), hẹn mùa tiêu năm 2017 sẽ trả đủ. Hai bên có lập giấy tờ tay, viết vào vở ô li, vở học sinh, chị L có ký tên, ghi rõ họ và tên đầy đủ, trong giấy chị L còn ghi đã nhận đủ tiền. Đến năm 2021 chị L hỏi chị V sao không bán tiêu, yêu cầu chị V đưa giấy nợ, nếu đúng chị L nợ 02 tạ thì chị L sẽ trả đủ nhưng chị V nói mất giấy nợ.

Một thời gian sau chị V nhờ ban thôn giải quyết, chị L đã trả cho chị V 01 tạ tiêu, với giá 81.000 đồng/kg, quy thành tiền là 8.100.000 đồng, chị L đã đưa số tiền này cho bà H2 để đưa cho chị V. Khi hòa giải tại ban thôn chị V có đưa sổ ghi chép nợ thể hiện *"L –H có nợ chị Bé (tức chị V) 02 tạ tiêu 2018*". Khi đó bà H2 là cán bộ Hội phụ nữ thôn đã nói *"Thôi bây giờ con nợ một tạ thì trả một tạ đi, cho nó tìm giấy trong vòng một tháng, nếu ngoài một tháng thì xử theo ban thôn là không có hiệu lực",* nội dung này đã thể hiện trong biên bản hòa giải của ban thôn. Việc chị V khởi kiện cho rằng chị L nợ 02 tạ tiêu là không đúng vì các bên đã thống nhất, trả nợ xong theo biên bản của ban thôn. Thực tế chị L chỉ nhận tiền một tạ tiêu, đã trả đủ nên không còn nợ chị V. Anh H chồng chị L không biết và không liên quan đến khoản nợ này.

Về chứng cứ, giấy nợ ngày 16/12/2016 (ÂL) chị V cung cấp cho Tòa án, cho rằng chị L nợ 02 tạ tiêu theo giấy nợ này là không đúng. Giấy nợ ngày 16/12/2016 (ÂL) đúng là do chữ chị L ghi. Tuy nhiên, lúc đó chị V nói tờ giấy này không có họ tên của chị V, chị V đã do dự và nói *"Bây giờ giá nó cao, không biết đủ tiền hai tạ không"* nên chị L và chị V ghi vào tờ giấy khác, chị L chỉ nhận tiền 01 tạ tiêu, tờ giấy chị L nhận tiền có ghi rõ họ tên, có chữ ký người mượn là chị L và người cho mượn là chị V. Chị L xác định giấy nợ gốc giữa chị L và chị V là tờ giấy ghi trên vở học sinh, kẻ ô li, chính là tờ giấy vở học sinh được chụp hình nằm phía dưới giấy nợ ngày 16/12/2016 (ÂL), được nộp kèm theo đơn xin cung cấp chứng cứ ngày 17/8/2022 của chị L. Ngoài ra, chị L cho rằng khi giải quyết tại ban thôn là sổ ghi năm 2018 nhưng chị V khởi kiện căn cứ giấy nợ ghi năm 2016 là không đúng, chứng cứ chị V cung cấp là ngụy tạo.

Tại biên bản hòa giải của ban thôn có sự chứng kiến của đại diện ban thôn, sau khi chị L trả số tiền 8.100.000 đồng thì có ghi *"Sau khi giao tiền Võ Thị L có cam kết với Đoàn Thị Tường V kể từ ngày nhận tiền, cho cô V tiếp tục tìm giấy trong 30 ngày, sau nếu có là Võ Thị L sẽ trả tiếp 01 tạ tiêu nữa, sau thời gian đó là cô V có tìm được giấy thì cô L không chịu trách nhiệm nữa"*.

Tất cả nội dung biên bản và nội dung nêu trên do thôn phó ông Trần Công H1 ghi, việc chị L và chị V không ký xác nhận phần nội dung này do mọi người cùng thống nhất, do cùng một biên bản nên không cần thiết phải ký xác nhận. Như vậy, chị L và chị V đã đồng ý thỏa thuận thời hạn cho chị V tìm lại giấy nợ là 30 ngày, sau thời hạn 30 ngày nếu chị V tìm được giấy nợ thì chị L cũng không phải chịu trách nhiệm trả nợ nên chị L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị V.

Bị đơn anh Võ Văn H, quá trình giải quyết vụ án đã có đơn trình bày ý kiến, có nội dung:

Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản liên quan khác của Tòa án, tôi xin trình bày ý kiến về nội dụng vụ việc như sau: Về việc vay mượn giữa vợ tôi (chị Võ Thị L) với chị Đoàn Thị Tường V thì tôi không được biết, không liên quan, tôi cũng không được ký vào tờ giấy vay nợ tiêu của

chị V. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt tôi, không triệu tập tôi tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Võ C trình bày:

Vào ngày 04/10/2021, tôi có tham gia cùng với tổ hòa giải của thôn, giải quyết đơn của chị V, chị V trình bày có đưa tiền chị L mua 02 tạ tiêu, có ghi giấy tờ nhưng đến thời điểm trả tiền thì chị L không chịu trả, chị L cho rằng chỉ nợ 01 tạ nhưng do chị V bị thất lạc giấy nợ nên tại buổi hòa giải chị L chỉ đồng ý trả 01 tạ, đến nay chị V tìm được giấy nợ là đúng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Trần Công H1 trình bày:

Tôi không có quan hệ họ hàng với đương sự trong vụ án, tại thời điểm tháng 9/2021 tôi đang là thôn phó thôn TL, xã Pơng Đrang. Ban thôn có nhận được đơn báo cáo ngày 29/9/2021 của chị V, nội dung trình bày về việc chị L nợ chị V 02 tạ tiêu và các nội dung cụ thể đã thể hiện tại đơn báo cáo, bản gốc đơn báo cáo, biên bản hòa giải hiện nay tôi đang giữ. Ban thôn đã tiến hành hòa giải, có sự tham gia của tổ hòa giải như thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 04/10/2021.

Tổ hòa giải thực hiện hòa giải theo nội dung đơn của chị V nên trong biên bản có ghi tiêu đề là *"Biên bản giải quyết việc tranh chấp V/v mua bán tiêu hạt đưa tiền năm 2018"*. Còn thời gian thực tế hai bên vay mượn tiêu thì ban thôn không nắm được. Tại buổi hòa giải chị V luôn trình bày chị L nợ 02 tạ tiêu nhưng chị V chưa tìm được chứng cứ bị thất lạc khi chồng chị V chết, nên tại buổi hòa giải chị V không cung cấp được giấy nợ. Vì vậy, khi hòa giải mới có nội dung nếu chị V tìm được chứng cứ thể hiện chị L nợ 02 tạ tiêu thì chị L phải chịu trách nhiệm trả tiếp 01 tạ tiêu ngoài 01 tạ đã nêu trong biên bản hòa giải.

Theo nội dung hòa giải thì chị L sẽ trả cho chị V 01 tạ tiêu, quy ra tiền là 8.100.000 đồng, thực tế chị L đã trả vào ngày 07/10/2021 thông qua bà Nguyễn Thị H2 là chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn, có chị V, chị L ký xác nhận việc trả số tiền này.

Sau khi giao tiền thì chị L có yêu cầu ông P lúc đó là thôn trưởng viết nội dung tại mặt sau của biên bản hòa giải là *"Sau khi giao tiền Võ Thị L có cam kết với Đoàn Thị Tường V kể từ ngày nhận tiền cho cô V tiếp tục tìm giấy 30 ngày sau nếu có là Võ Thị L sẽ trả tiếp 01 tạ tiêu nữa, sau thời gian đó là cô V có tìm được giấy cô L không chịu trách nhiệm nữa"*. Nội dung này chỉ ghi ý kiến của chị L, không ai ký xác nhận.

Ngoài đơn báo cáo của chị V, biên bản hòa giải ngày 04/10/2021 thì ban thôn không có tài liệu, chứng cứ khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp nợ giữa chị V và chị L.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Văn P trình bày:

Sau khi nghe sự việc của chị V gửi đơn khiếu nại đến tổ hòa giải của thôn, tôi là thành viên của tổ hòa giải nên có tham gia buổi hòa giải ngày 04/10/2021. Chị V khai có ký gửi cho chị L 200 kg tiêu hạt, chị V đòi nợ nhưng đã mất giấy ký nợ, nghi đã đốt lúc chồng chị V mất. Chị L chỉ thừa nhận có nợ 100 kg tiêu nhưng chị V phải có chứng cứ thì chị L mới đồng ý trả. Tổ hòa giải đã hòa giải cho hai bên, vì tình làng nghĩa xóm thì chị L trả cho chị V 100 kg trong khi chưa tìm được chứng cứ nếu sau này chị V tìm được chứng cứ thì chị L sẽ chịu trách nhiệm.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Phạm Thị L1 trình bày:

Tôi có tham gia buổi hòa giải ngày 04/10/2021, sau khi nghe chị V (tên thường gọi là Bé) trình bày có đưa tiền cho chị L mua 02 tạ tiêu với giá tại thời điểm đưa tiền, nhưng tại thời điểm hòa giải không tìm được giấy xác nhận nợ với chị L nên nhờ ban hòa giải của thôn giải quyết. Tại buổi hòa giải chị L trình bày có nợ của chị V 01 tạ tiêu, nếu chị V cho rằng số nợ là 02 tạ tiêu thì chị V phải đưa ra chứng cứ chứng minh. Trên cơ sở tình cảm xóm giềng, ban hòa giải của thôn đã đề nghị nếu chị L đã thừa nhận nợ 01 tạ thì trước mắt chị L trả cho chị V 01 tạ (quy ra tiền theo giá tại thời điểm trả) và chị L đã trả cho chị V số tiền 8.100.000 đồng. Ban hòa giải của thôn thống nhất nếu sau này chị V tìm được giấy nợ 02 tạ tiêu thì chị L phải chịu trách nhiệm trả đủ 02 tạ tiêu.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Ngày 04/10/2021, tôi có tham gia tổ hòa giải của thôn để hòa giải cho chị V và chị L về việc mua bán tiêu. Theo lời khai của chị V thì chị V có gửi cho chị L là 02 tạ tiêu, chị V trình bày giấy nợ không tìm được có thể lúc chồng chị V chết, khi dọn dẹp đã đốt mất giấy nợ. Chị L chỉ thừa nhận có nợ 01 tạ tiêu và đồng ý trả, chị L đã trả cho chị V số tiền 8.100.000 đồng. Tôi đã nhận số tiền này vào lúc 19 giờ ngày 07/10/2021 và đã giao lại cho chị V. Nay chị V tìm được giấy nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2022/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của TAND huyện Kroong Búk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 243, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Tường V.

- Buộc bị đơn chị Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Đoàn Thị Tường V số lượng 100 kg tiêu.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Tường V về nghĩa vụ của anh Võ Văn H do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về lãi suất: Do nguyên đơn chị Đoàn Thị Tường V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2022, chị Võ Thị L kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị L – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Võ Thị L kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn chị Võ Thị L, HĐXX thấy rằng:

Chị L cho rằng chỉ nợ chị V 100 kg tiêu, theo giấy nợ được viết tay trên giấy vở học sinh, kẻ ô ly, có chữ ký, ghi rõ họ tên của người mượn là chị L và người cho mượn là chị V nhưng quá trình giải quyết vụ án chị L không cung cấp được chứng cứ này, nguyên đơn cũng không thừa nhận nội dung mà chị L trình bày, nên lời trình bày của chị L là không có căn cứ chấp nhận. Tại giấy vay đề ngày 16/12/2016 âm lịch (Bút lục số 48) có thể hiện nội dung *"L – H có mượn của chị BT 02 tạ tiêu đầu giá đến nửa tháng 02/2017 âm lịch trả đủ",* quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị L thừa nhận đây là chữ viết của chị L.

Căn cứ nội dung tại Biên bản hòa giải ngày 04/10/2021, đã ghi nhận ý kiến của các bên, chị L sẽ trả cho chị V 100 tiêu, chị L đã thực hiện và trả cho chị V số tiền 8.100.000 đồng (100kg tiêu quy thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm trả). Ngoài ra, biên bản còn ghi nhận nội dung nếu chị V tìm được chứng cứ thể hiện chị L nợ 200 kg tiêu thì chị L sẽ tiếp tục trả cho V 100 kg còn lại. Như vậy, có căn cứ xác định chị L nợ chị V 200kg tiêu theo giấy nợ nêu trên, đã trả được 100 kg, còn nợ lại 100 kg là phù hợp.

Việc chị L cho rằng giữa chị L và chị V đã thỏa thuận thời hạn là 30 ngày để chị V tìm chứng cứ chứng minh việc chị L nợ chị V 200 kg tiêu. Căn cứ biên bản hòa giải ngày 04/10/2021, chỉ ghi nhận việc chị V sẽ tìm lại giấy nợ, nếu tìm thấy giấy nợ 200 kg tiêu thì chị L sẽ có trách nhiệm trả tiếp 100 kg tiêu còn lại, có chữ ký xác nhận của hai bên nhưng không ghi rõ thỏa thuận về việc chị V đồng ý về thời hạn tìm chứng cứ là 30 ngày.

Đối với nội dung *"Sau khi giao tiền Võ Thị L có cam kết với Đoàn Thị Tường V kể từ ngày nhận tiền cho cô V tiếp tục tìm giấy trong 30 ngày sau nếu có là Võ Thị L sẽ trả tiếp 01 tạ tiêu nữa, sau thời gian đó là cô V có tìm được giấy thì cô L không chịu trách nhiệm nữa"*. Chị V không thừa nhận, không biết nội dung thỏa thuận này vì khi chị V nhận số tiền 8.100.000 đồng thì không gặp chị L, nội dung này chị L yêu cầu đại diện ban thôn ghi ở phần cuối biên bản nhưng không có chữ ký xác nhận của chị V. Vì vậy, không có cơ sở xác định chị V đã

đồng ý thỏa thuận thời hạn tìm chứng cứ chứng minh việc chị L nợ chị V 200 kg tiêu trong thời hạn 30 ngày.

Như vậy, cấp sơ thẩm tuyên buộc chị L phải trả cho chị vân 100kg tiêu là phù hợp. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không tuyên rõ chị L phải trả cho chị V 100kg loại tiêu gì là gây khó khăn cho việc thi hành án, cấp phúc thẩm cần tuyên lại cho phù hợp.

Từ nhận định trên thấy rằng kháng cáo của chị Võ Thị L không có căn cứ – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Vì không được chấp nhận kháng cáo nên chị Võ Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Võ Thị L - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Tường V;

Buộc bị đơn chị Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Đoàn Thị Tường V số lượng 100 kg tiêu khô.

[2.2]. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Tường V về nghĩa vụ của anh Võ Văn H.

[2.3]. Về án phí DSST:

Buộc bị đơn chị Võ Thị L phải chịu 322.500 đồng tiền tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho chị Đoàn Thị Tường V số tiền 355.000 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0008664 ngày 25/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

[2.4]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0020676 ngày 13/10/2022 của Chi cục THADS huyện KB.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện KB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Sâm